

Bản án số: 06/2024/HS-ST
Ngày: 16 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mên

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Trung

Ông Nguyễn Trung Vẹn

Bà Huỳnh Bích Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2023/TLST - HS, ngày 29 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Tuyết X, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1990, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Khóm A, phường R, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1951 và bà Trần Thị M, sinh năm 1952; chồng tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1981 và có 02 người con; tiền án: không, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/12/2022 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X: Luật sư Mai Thị T – Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh bào chữa theo chỉ định. (có mặt)

- Bị hại:

1/ Huỳnh Thanh O, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

2/ Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

3/ Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- 4/ Trần Thị M, sinh năm 1952. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)
- 5/ Trần T, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 6/ Lê Hồng Ph, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
- 1/ Nguyễn Thị S, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 2/ Đồng Văn I, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp X, xã R, huyện K, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 3/ Nguyễn Thị B, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)
- 4/ Trần Thanh O, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 5/ Nguyễn Thanh L, sinh năm 1967. Nơi cư trú: ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 6/ Lâm Thị Thu Y, sinh năm 1976. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)
- 7/ Đặng Thị C, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp E, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 8/ Lê Tấn Đ, sinh năm 1960. Nơi cư trú: ấp A, xã P, huyện K, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 9/ Nguyễn Long O, sinh năm 1987. Nơi cư trú: ấp H, xã P, huyện K, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 10/ Trần Thị Kim B, sinh năm 1996. ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 11/ Huỳnh Thị N, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp Ô, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)
- 12/ Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: ấp Ô, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)
- 13/ Tô Thị L, sinh năm 1968. Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 14/ Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 15/ Lâm Thị V, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 16/ Cao Thị H, sinh năm 1973. Nơi cư trú: ấp Đ, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)
- 17/ Trần Ngọc U, sinh năm 1962. Nơi cư trú: tổ A, thôn Y, thị trấn Y, huyện G, tỉnh Quảng Nam. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 18/ Nguyễn Thị T, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- 19/ Trần T, sinh năm 1959. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

20/ Huỳnh Thanh O, sinh năm 1981. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

21/ Nguyễn Thái Nh, sinh năm 1986. Nơi cư trú: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

22/ Phạm Thị M, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện K, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

23/ Lê Thị G, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt).

24/ Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1987. Nơi cư trú: khóm A, phường R, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Tuyết X và chồng là Nguyễn Minh T sinh sống tại ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh từ năm 2009 bằng nghề thợ may. Đến tháng 4 năm 2018, do có ý định xây nhà mới tại Khóm A, Phường R, thành phố T nên Nguyễn Thị Tuyết X hỏi vay tiền của bà Huỳnh Thanh O, sinh năm 1981, cư ngụ Ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (là chị dâu của bị cáo X) với số tiền 710.000.000 đồng; vay của ông Trần T, sinh năm 1959, cư ngụ Ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (là cậu ruột của bị cáo X) 08 lượng vàng 24K (tương đương số tiền 240.000.000 đồng) và hỏi vay bằng quỹ lương của ông Nguyễn Minh T số tiền 220.000.000 đồng. Ngoài ra, trước khi xây nhà, Nguyễn Thị Tuyết X đã nợ tiền vay của bà Huỳnh Thanh O hơn 1.000.000.000 đồng. Sau khi xây dựng nhà xong khoảng tháng 8 năm 2018, Nguyễn Thị Tuyết X đã bị mất cân đối, không còn khả năng thanh toán với khoản nợ hơn 2,2 tỷ đồng.

Để có tiền trả nợ, đóng lãi và tiêu xài cá nhân, từ đầu năm 2019 đến ngày 22/7/2021, Nguyễn Thị Tuyết X liên hệ với bà Huỳnh Thanh O, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1977 (chị dâu của bị cáo); Trần Thị M, sinh năm 1952 (mẹ ruột của bị cáo) cùng nơi thường trú ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1982, nơi thường trú ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh (chị ruột của bị cáo), Lê Hồng Ph, sinh năm 1983, nơi thường trú ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh và ông Trần T, sinh năm 1959, nơi thường trú ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh trao đổi và đưa ra thông tin: Nguyễn Thị Tuyết X đang cộng tác với các Ngân hàng tại địa bàn thành phố T, tỉnh Trà Vinh thực hiện việc cho khách hàng vay đáo hạn Ngân hàng, nếu vay được tiền của người khác đưa bị cáo để cho vay đáo hạn Ngân hàng, bị cáo sẽ cho hưởng tiền lãi chênh lệch từ 500 đồng đến 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và trả lại tiền gốc. Từ những thông tin bị cáo đưa ra, bà Huỳnh Thanh O, Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Thị M, Lê Hồng Ph và ông Trần T tin tưởng là thật nên đã vay tiền của nhiều người người với tổng số tiền là 19.265.000.000 đồng giao cho bị cáo theo như thỏa thuận.

Qua điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh xác định bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X có hành vi lừa đảo chiếm đoạt của 06 bị hại nêu trên số

tiền là 12.110.250.000 đồng trong tổng số tiền 19.265.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1) Đối với bà Huỳnh Thanh O, bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.494.000.000 đồng:

Vào năm 2019, Nguyễn Thị Tuyết X đưa ra thông tin gian dối với bà Huỳnh Thanh O là cần tiền cho người khác vay lại đáo hạn Ngân hàng và yêu cầu bà O vay tiền của người khác đưa cho bị cáo, bị cáo sẽ cho bà O được hưởng tiền lãi chênh lệch từ 500 đồng đến 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Để tạo lòng tin, đến Tết Nguyên đán, bị cáo đem lịch của một số Ngân hàng tại thành phố T tặng cho bà O. Tin tưởng là thật nên từ tháng 6/2020 đến tháng 7/2021, bà O đã vay của 05 người với tổng số tiền là 2.010.000.000 đồng (hai tỷ không trăm mười triệu đồng) để giao cho Nguyễn Thị Tuyết X.

Sau khi nhận số tiền 2.010.000.000 đồng của bà O, bị cáo gửi lại bà O số tiền 397.000.000 đồng để đóng tiền lãi cho: Ông Đồng Văn I 87.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị S 132.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị B 32.500.000 đồng, ông Trần Thanh O 30.000.000 đồng và ông Nguyễn Thanh L 115.000.000 đồng; đưa cho bà O hưởng phần lãi chênh lệch 119.000.000 đồng; còn lại số tiền 1.494.000.000 đồng bị cáo chiếm đoạt.

2) Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ D, bị cáo chiếm đoạt số tiền 1.465.500.000 đồng:

Tháng 01/2020 âm lịch (tháng 02/2020 dương lịch), Nguyễn Thị Tuyết X đến nhà của bà Nguyễn Thị Mỹ D đưa ra thông tin là hiện bị cáo đang cộng tác với 03, 04 Ngân hàng tại thành phố T, bị cáo yêu cầu bà D vay tiền của người khác đưa lại cho bị cáo để cho khách hàng vay đáo hạn Ngân hàng và hứa sẽ cho bà D hưởng tiền lãi chênh lệch 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tin tưởng là thật nên từ tháng 02/2020 đến tháng 7/2021, bà D lấy tiền cá nhân 250.000.000 đồng và vay tiền của 08 người khác là 1.805.000.000 đồng, tổng cộng 2.055.000.000 đồng (hai tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu đồng) giao cho Nguyễn Thị Tuyết X.

Sau khi nhận số tiền 2.055.000.000 đồng của bà D, bị cáo gửi lại bà D số tiền 430.900.000 đồng để đóng tiền lãi cho: Bà Lâm Thị Thu Y 127.300.000 đồng, bà Đặng Thị C 168.000.000 đồng, ông Lê Tấn Đ 20.000.000 đồng, bà O số tiền 16.600.000 đồng, bà Trần Thị Kim B số tiền 21.000.000 đồng, ông Nguyễn Long O số tiền 78.000.000 đồng, đưa cho bà D hưởng phần lãi chênh lệch 158.600.000 đồng; còn lại số tiền 1.465.500.000 đồng bị cáo chiếm đoạt.

3) Đối với bà Nguyễn Thị Tuyết M, bị cáo chiếm đoạt số tiền 8.016.550.000 đồng:

Vào tháng 3/2020, Nguyễn Thị Tuyết X nói với bà M: Hiện bị cáo đang cộng tác với các Ngân hàng tại thành phố T như: Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Agribank, Ngân hàng Sacombank, Ngân hàng Vietcombank. Khi khách hàng có nhu cầu vay vốn đáo hạn Ngân hàng thì nhân viên của Ngân hàng sẽ thông báo để bị cáo biết cho vay, bị cáo yêu cầu bà M vay tiền của người khác đưa lại cho bị cáo để cho khách hàng vay đáo hạn Ngân hàng và hứa sẽ cho bà M hưởng tiền lãi chênh lệch 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tin tưởng là thật nên từ tháng 3/2020 đến tháng 7/2021, bà M lấy tiền cá nhân 2.000.000.000 đồng và

vay tiền của 10 người khác là 11.730.000.000 đồng, tổng cộng 13.730.000.000 đồng (mười ba tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng) giao cho Nguyễn Thị Tuyết X.

Sau khi nhận số tiền 13.730.000.000 đồng của bà M, bị cáo gửi lại bà M số tiền 4.141.000.000 đồng để đóng tiền lãi cho: Bà Huỳnh Thị N số tiền 4.000.000 đồng, bà Huỳnh Ngọc T số tiền 35.000.000 đồng, bà Tô Thị L số tiền 180.000.000 đồng, bà Lâm Thị V số tiền 479.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hồng M số tiền 45.000.000 đồng, bà Cao Thị H số tiền 5.000.000 đồng, ông Trần T số tiền 75.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị S số tiền 40.000.000 đồng, ông Trần Ngọc U số tiền 378.000.000 đồng, bà Huỳnh Thanh O số tiền 2.900.000.000 đồng, đưa cho bà M hưởng phần lãi chênh lệch 1.542.450.000 đồng; đồng thời, bị cáo bán 01 xe mô tô được số tiền 30.000.000 đồng đưa bà M trả cho bà Huỳnh Ngọc T. Như vậy, bị cáo chiếm đoạt của bà M tổng số tiền là 8.016.550.000 đồng.

4) Đối với bà Trần Thị M, bị cáo chiếm đoạt số tiền 104.200.000 đồng:

Ngày 27/6/2020 âm lịch (ngày 16/8/2020 dương lịch), bị cáo yêu cầu bà Trần Thị M hỏi vay tiền của người khác cho bị cáo vay lại để đáo hạn Ngân hàng nên bà Mười hỏi vay của ông Nguyễn Thái Nh số tiền 160.000.000 đồng để giao cho bị cáo.

Khi nhận số tiền 160.000.000 đồng của bà Mười, bị cáo gửi lại bà M số tiền 55.800.000 đồng đóng lãi cho ông Nguyễn Thái Nh; còn lại số tiền 104.200.000 đồng, bị cáo chiếm đoạt.

5) Đối với ông Trần T, bị cáo chiếm đoạt số tiền 230.000.000 đồng:

Cuối tháng 4/2018 âm lịch (tháng 5/2018 dương lịch), bị cáo hỏi vay của ông Trần T 08 (tám) lượng vàng 24K để cất nhà; thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Đến đầu năm 2019, bị cáo đưa ra thông tin là cần tiền để mua đất cất nhà và vay của ông Trần T 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Sau đó, bị cáo tiếp tục đưa ra thông tin là cần tiền cho người khác vay đáo hạn Ngân hàng, ông T tin tưởng là thật nên cho bị cáo vay 03 lần: Ngày 12/7/2019 vay số tiền 40.000.000 đồng, ngày 25/9/2019 vay số tiền 50.000.000 đồng, cuối năm 2019 vay số tiền 200.000.000 đồng (thỏa thuận lãi suất 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày).

Quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận đối với số tiền vay 04 lần nêu trên với tổng số tiền là 490.000.000 đồng, bị cáo không có mua đất để cất nhà và không có cho người khác vay lại để đáo hạn Ngân hàng như thông tin nói với ông T, mục đích bị cáo vay để dùng số tiền này vào việc trả nợ gốc, trả lãi cho các khoản vay của người khác.

Đến thời điểm bị cáo vỡ nợ đã đóng lãi cho ông T đối với khoản nợ gốc 490.000.000 đồng số tiền 260.000.000 đồng. Như vậy, hiện nay bị cáo chiếm đoạt của ông T với số tiền 230.000.000 đồng.

Đối với 08 lượng vàng 24K, bị cáo vay của ông T, Cơ quan điều tra đã chứng minh đây là giao dịch dân sự.

6) Đối với bà Lê Hồng Ph, bị cáo chiếm đoạt số tiền 800.000.000 đồng:

Bà Lê Hồng Ph và bị cáo có mối quan hệ quen biết với nhau do trước đây bị cáo sinh sống tại ấp Q, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vào cuối năm 2019, bị cáo đưa ra thông tin với bà Ph là cần tiền để cho vay đáo hạn Ngân hàng, khi khách hàng đáo hạn xong sẽ trả lại nợ gốc, lãi cho bà Ph và thỏa thuận tiền lãi 2.000.000 đồng/100.000.000 đồng/01 lần vay, thời hạn trả lại tối đa không quá 07 ngày. Tin tưởng là thật nên vào tháng 6/2021, bị cáo vay của bà Ph 03 lần với tổng số tiền 740.000.000 đồng, đến ngày 08/7/2021 vay thêm 80.000.000 đồng, tổng cộng bị cáo vay của bà Ph 04 lần với số tiền là 820.000.000 đồng. Mục đích bị cáo vay tiền để trả nợ gốc, lãi cho người khác, không có cho người khác vay đáo hạn Ngân hàng. Đến ngày 28/7/2021, sau khi bị cáo vỡ nợ đã trả cho bà Ph số tiền 20.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 800.000.000 đồng.

Như vậy, trong tổng số tiền 19.265.000.000 đồng vay của 06 người bị hại là: bà Huỳnh Thanh O, Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Thị M, Lê Hồng Ph và ông Trần T, bị cáo sử dụng trả lãi cho những người đã cho vay tổng số tiền 5.024.700.000 đồng; đưa cho ông Trần T, bà Huỳnh Thanh O, bà Nguyễn Thị Mỹ D, bà Nguyễn Thị Tuyết M được hưởng tiền lãi chênh lệch tổng số tiền 2.080.050.000 đồng; trả lại bị hại số tiền 50.000.000 đồng; còn lại chiếm đoạt số tiền 12.110.250.000 đồng. Đối với số tiền chiếm đoạt, bị cáo sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân, đóng lãi và trả nợ trước đó, nhưng không xác định được cụ thể đã trả cho ai.

Tại bản cáo trạng số: 62/CT-VKS-P1 ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X khai nhận toàn bộ hành vi khách quan của bị cáo, thừa nhận Bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng với hành vi của bị cáo đã thực hiện đối với bị hại. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo phải trả số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt theo quy định pháp luật. Bị cáo tự nguyện thống nhất với yêu cầu của các bị hại.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa, thể hiện bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X đã có hành vi đưa ra thông tin là bị cáo đang cộng tác với 3, 4 Ngân hàng tại thành phố T và trao đổi với các bị hại là bà Huỳnh Thanh O, Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Thị M, Lê Hồng Ph, ông Trần T vay tiền của người khác hoặc lấy tiền của cá nhân đưa lại cho bị cáo để cho khách hàng vay đáo hạn Ngân hàng và hứa sẽ cho các bị hại hưởng tiền lãi chênh lệch 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày nhưng thực tế khi nhận được tiền của các bị hại thì bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân, trả tiền nợ vay của bị cáo bên ngoài, đã đủ căn cứ truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4

Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ Luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X từ 16 năm đến 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/12/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Trần T số tiền 230.00.000 đồng, bà Lê Hồng Phương số tiền 800.000.000 đồng bị cáo đã chiếm đoạt. Đối với các bị hại còn lại để tự thỏa thuận với bị cáo nên chưa yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X cho rằng: Vị hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản Cáo trạng số 62/CT-VKS-P1 ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo đơn chiếc, bị cáo có con còn nhỏ; quá trình điều tra bị cáo tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả cho các bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật cũng như tạo điều kiện để bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng. Về trách nhiệm dân sự: Thống nhất với quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X: Xin lỗi bị hại, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình lo cho hai con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc vắng mặt của 01 bị hại và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thống nhất với nội dung bản Cáo trạng số 62/CT-VKS-P1 ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã mô tả. Bị cáo thừa nhận từ năm 2019 đến tháng 6 năm 2021, bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối là bị cáo đang cộng tác với 3, 4 Ngân hàng tại thành phố T nên có trao đổi với các bị hại là bà Huỳnh Thanh O, Nguyễn Thị Mỹ D, Nguyễn Thị Tuyết M, Trần Thị M, Lê Hồng Ph và ông Trần T vay tiền của người khác hoặc lấy tiền của cá nhân đưa lại cho bị cáo để cho khách hàng vay đáo hạn Ngân hàng và hứa sẽ cho các bị hại hưởng tiền lãi chênh lệch 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tin tưởng là thật nên 06 bị hại nêu trên lấy tiền của cá nhân và vay tiền của người khác đưa lại cho bị cáo để cho khách hàng vay đáo hạn Ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi vay được tiền từ 06 bị hại nêu trên, bị cáo không thực hiện đúng như thông tin đã đưa ra mà sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân, đóng lãi và trả các khoản nợ trước đó. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là nhất quán, không thay đổi, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Trà Vinh thu thập được. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về tội danh và hình phạt.

[3] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật Hình sự.

Với tuổi đời và trình độ học vấn của bị cáo thì bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì lòng tham chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, đóng lãi vay và trả nợ vay mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện trong một khoảng thời gian từ năm 2019 đến tháng 6 năm 2021. Hành vi phạm tội của bị cáo là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong những năm gần đây tại địa bàn tỉnh Trà Vinh liên tục tăng và hình thức, mức độ phạm tội ngày càng tinh vi, số tiền chiếm đoạt ngày càng nhiều, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, phát triển kinh tế tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh Trà Vinh. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần xử lý bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của bị cáo

và tính chất của vụ án nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo đơn chiếc, bị cáo có con còn nhỏ; quá trình điều tra bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả cho các bị hại số tiền 10.000.000 đồng, cha bị cáo có Công cách mạng là thương binh, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị B cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ D vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, nhưng chưa thu tiền lãi và bà Lâm Thị Thu Y cho bị hại Nguyễn Thị Mỹ D vay tiền cũng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng không đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nhưng đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không đề nghị xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đồng ý bồi thường cho bị ông Trần T số tiền 230.000.000 đồng, bà Lê Hồng Phương số tiền 800.000.000 đồng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Riêng đối với các bị hại còn lại yêu cầu tự thỏa thuận với bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan dành một vụ dân sự khi có yêu cầu.

[7] Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà bị cáo tác động gia đình nộp khắc phục hậu quả tiếp tục giao Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý để đảm bảo thi hành án.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ vật chứng là:

- + 01 (một) biên nhận số tiền 110.000.000 đồng ngày 27/6/2020 và số tiền 110.000.000 đồng ngày 4/7/2020, người nhận Nguyễn Thị Mỹ D.

- + 01 (một) biên nhận số tiền 300.000.000 đồng ngày 22/5/2021, người nhận Nguyễn Thị Mỹ D.

- + 01 (một) biên nhận số tiền 150.000.000 đồng ngày 07/6/2021, người giao Nguyễn Thị B, người nhận Nguyễn Thị Mỹ D.

- + 01 (một) biên nhận số tiền 100.000.000 đồng ngày 23/6/2021, người giao Huỳnh Thị N, người nhận Nguyễn Thị Tuyết M.

- + 01 (một) biên nhận số tiền 350.000.000 đồng ngày 16/4/2021, người giao Huỳnh Ngọc T, người nhận Nguyễn Thị Tuyết M.

- + 01 (một) biên nhận số tiền 190.000.000 đồng ngày 5/6/2021, người nhận Nguyễn Văn Sum và Nguyễn Thị Tuyết M.

- + 02 (hai) biên nhận số tiền 700.000.000 đồng và số tiền 480.000.000 đồng ngày 16/11/2021 âm lịch, người giao Lâm Thị V, người nhận Nguyễn Thị Tuyết M.

- + 01 (một) biên nhận số tiền 160.000.000 đồng ngày 27/11/2020, người nhận Trần Thị M, người giao Nguyễn Thái Nh.

+ 120 (một trăm hai mươi) giấy nộp tiền, giấy rút tiền, ủy nhiệm chi của bà Nguyễn Thị Tuyết M giao dịch với bị can Nguyễn Thị Tuyết X (bản chính)

Tuyên lưu vào hồ sơ vụ án.

[9] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[10] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/12/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 588, 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X bồi thường số tiền 1.030.000.000 đồng (*một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng*) mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại gồm: ông Trần T số tiền 230.000.000 đồng (*hai trăm ba mươi triệu đồng*); bà Lê Hồng Ph số tiền 800.000.000 đồng (*tám trăm triệu đồng*).

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan dành một vụ kiện dân sự khi có yêu cầu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Giao Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền 10.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh thu tại Biên lai thu số 0003240 ngày 30/8/2023.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Lưu vào hồ sơ vụ án các vật chứng gồm:

+ 01 (một) biên nhận số tiền 110.000.000 đồng ngày 27/6/2020 và số tiền 110.000.000 đồng ngày 4/7/2020, người nhận Nguyễn Thị Mỹ D.

+ 01 (một) biên nhận số tiền 300.000.000 đồng ngày 22/5/2021, người nhận Nguyễn Thị Mỹ D.

+ 01 (một) biên nhận số tiền 150.000.000 đồng ngày 07/6/2021, người giao Nguyễn Thị B, người nhận Nguyễn Thị Mỹ D.

+ 01 (một) biên nhận số tiền 100.000.000 đồng ngày 23/6/2021, người giao Huỳnh Thị N, người nhận Nguyễn Thị Tuyết M.

+ 01 (một) biên nhận số tiền 350.000.000 đồng ngày 16/4/2021, người giao Huỳnh Ngọc T, người nhận Nguyễn Thị Tuyết M.

+ 01 (một) biên nhận số tiền 190.000.000 đồng ngày 5/6/2021, người nhận Nguyễn Văn Sum và Nguyễn Thị Tuyết M.

+ 02 (hai) biên nhận số tiền 700.000.000 đồng và số tiền 480.000.000 đồng ngày 16/11/2021 âm lịch, người giao Lâm Thị V, người nhận Nguyễn Thị Tuyết M.

+ 01 (một) biên nhận số tiền 160.000.000 đồng ngày 27/11/2020, người nhận Trần Thị M, người giao Nguyễn Thái Nh.

+ 120 (một trăm hai mươi) giấy nộp tiền, giấy rút tiền, ủy nhiệm chi của bà Nguyễn Thị Tuyết M giao dịch với bị can Nguyễn Thị Tuyết X (bản chính)

Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết X phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 42.900.000 đồng (*Bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến